

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 4 - 2018

V/v Tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Nuôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Việt.
2. Ông Ngô Văn Lầu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 2 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa hôn nhân gia đình sơ thẩm số 235/2018/TB-TA ngày 04 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà H; Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện A, tỉnh Sóc Trăng. (có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông W; Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2017 và đơn yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án đề ngày 17/4/2018, nguyên đơn bà H trình bày:** Bà và ông W kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/3/2016. Trong việc kết hôn giữa bà và ông W thì hai người thực tế không có tình cảm với nhau mà do gia đình làm cầu nối việc kết hôn này để bà có thể sang Hoa Kỳ định cư, nên bà chấp nhận cuộc hôn nhân giả với ông W. Sau đó, gia đình bà thuyết phục bà kết hôn thật với ông W và có con để thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ được dễ dàng hơn. Sau khi kết hôn, hai người chung sống với nhau được một thời gian, cũng trong khoảng thời gian này bà không thể chấp nhận được lối sống của ông W và bà cũng không có tình cảm với ông W. Sau khi ông W trở về Hoa Kỳ thì giữa hai người vẫn thường xuyên liên lạc qua mạng internet nhưng lại xảy ra mâu thuẫn về vấn đề giấy tờ xin định cư của bà và ông W hay đòi lại quà đã tặng cho bà.

Nay nhận thấy tính cách hai người không hòa hợp, tình cảm vợ chồng đã không còn, do đó bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông W.
- Về con chung, tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay bà đi làm xa, công việc rất bận rộn không có điều kiện tham gia tố tụng được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án này, bà cam kết không khiếu nại gì về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn H yêu cầu được ly hôn với bị đơn W; không có con chung; về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn không yêu cầu giải quyết; Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; trong vụ án có đương sự ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn H có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn H.

[3] Bị đơn W là người có quốc tịch Hoa Kỳ, hiện nay cũng đang sinh sống tại Hoa Kỳ. Sau khi thụ lý vụ án, vào ngày 28/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã lập hồ sơ ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án số 49/TB-TLVA ngày 05/5/2017 cho ông W để thông báo cho ông W biết về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà H. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 1678/CH-BTP ngày 01/11/2017 thông báo cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng được biết là Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp cho Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ để thực hiện ủy thác tư pháp. Đến ngày 05/02/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng có Văn bản số 66/2018/CV-TA đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về kết quả thực hiện việc tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông W. Sau đó, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 869/BTP-PLQT ngày 21/3/2018 thông báo cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng được biết là việc tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông W đã được thực hiện xong bằng phương thức: Chuyển cho người sống chung cùng với đương sự; kèm theo văn bản thì Bộ Tư pháp có gửi các tài liệu có liên quan đến việc Công ty ABC Legal, Hoa Kỳ tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông W. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn W.

[II] Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông W là những người có đủ điều kiện kết hôn, hai người đã tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/3/2016, nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông W là hôn nhân hợp pháp.

[2] Xét thấy việc kết hôn giữa bà H và ông W không trên cơ sở tình yêu thật sự và không có sự tìm hiểu kỹ trước khi kết hôn, mục đích hai người kết hôn với nhau chỉ nhằm để ông W bảo lãnh bà H sang Hoa Kỳ định cư, cũng từ đó mà sau khi kết hôn một thời gian thì giữa hai người chung sống không có hạnh phúc, không có tình cảm và phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, trong đó mâu thuẫn chủ yếu là về vấn đề làm giấy tờ bảo lãnh của bà H sang Hoa Kỳ định cư, là mục đích mà hai người hướng đến khi kết hôn với nhau, đã không thực hiện được. Như vậy, cho thấy cuộc sống vợ chồng bà H và ông W không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đến mức trầm trọng, tương lai không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không thể tồn tại, nếu duy trì hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của mỗi người. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H xin được ly hôn với ông W là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đồng ý cho bà H được ly hôn với ông W.

[3] Về con chung: Bà H trình bày là không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Bà H trình bày là không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp: Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đồng, chi phí ủy thác tư pháp 200.000đồng và 115 USD (đôla Mỹ) theo quy định tại khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 1 Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 và Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông W.
- Về con chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp khó khăn sau khi ly hôn: Không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số: 0007652 ngày 03/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

- Chi phí ủy thác tư pháp: Bà H phải chịu là 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) và 115 USD (Một trăm mười lăm đôla Mỹ), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số: 0001784 ngày 17/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng và 115 USD (Một trăm mười lăm đôla Mỹ) theo các chứng từ giao dịch tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Sóc Trăng vào ngày 17/8/2017 và ngày 17/4/2018; Như vậy, bà H đã nộp đủ chi phí ủy thác tư pháp.

Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Đối với đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- UBND huyện A;
- Lưu HSV A-TDS.

Phạm Hùng Nuôi